

Bản án số: 34/2018/DS-PT

Ngày 18 tháng 5 năm 2018

V/V: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:

Ông Thân Quốc Hùng

Bà Phạm Thị Minh Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số 09/2010/TLST-DSTC ngày 06/02/2018, về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2018/QQĐ-PT ngày 18/4/2018 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1920 (đã chết ngày 27/5/2013).

Trú quán: Tổ 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị T:

1. Ông Phương Văn Đ, sinh năm 1966 (có mặt).

Trú quán: số nhà 01, Tổ 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Phương Thị B, sinh năm 1957 (có mặt).

Trú quán: Số 01, ngách 7, ngõ 98, đường Nguyễn K, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Phương Thị B1, sinh năm 1962 (vắng mặt).
Trú quán: Số 39S5, ngõ 41, đường K, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.
4. Bà Phương Thị C, sinh năm 1953 (Đã chết ngày 12/5/2015).
Trú quán: Số 7, ngõ 62, Khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

-Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phương Thị C:

- + Anh Nguyễn Kinh T, sinh năm 1980 (vắng mặt).
 - + Anh Nguyễn Kinh K, sinh năm 1982 (vắng mặt).
 - + Anh Nguyễn Kinh Q, sinh năm 1985 (vắng mặt).
 - + Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1994 (vắng mặt).
- Đều trú tại: Số 7, ngõ 62, Khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.
5. Bà Phương Thị C, sinh năm 1944 (đã chết ngày 11/9/2013)

-Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phương Thị C1:

- + Chị Phương Thị L, sinh năm 1961 (vắng mặt).
- Trú quán : Tổ H, phường T, Thành phố B.
- + Anh Phương Văn C, sinh năm 1966 (vắng mặt).
- Trú quán: Tổ H, phường T, Thành phố B.
- + Anh Phương Văn T, sinh năm 1970 (vắng mặt).
- Trú quán: phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
- + Anh Phương Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt).
- Trú quán: Tổ H, phường T, Thành phố B.

- Bị đơn: Ông Phương Hồng Y, sinh năm 1945 (Đã chết ngày 18/11/2011).
Trú quán: Tổ 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phương Hồng Y:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949 (vắng mặt).
Trú quán : Tổ 1, khu phố H, phường T, Thành phố B.
2. Anh Phương Hồng T, sinh năm 1978 (vắng mặt).
Trú quán: Khu phố H, phường T, thành phố B.
Nơi ở: Số 89, đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị L.
3. Anh Phương Hồng T, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Trú quán: Tổ 1, phường T, thành phố B.
4. Anh Phương Thế Đ, sinh năm 1984 (vắng mặt).
Trú quán: Tổ 1, phường T, thành phố B.
Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị L.
5. Chị Phương Thị L, sinh năm 1976 (vắng mặt).
Trú quán: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B.
Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị L (bà L vắng mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lý Thị H, sinh năm 1973 (có mặt).

Trú quán: số nhà 01, Tổ 1, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai S - Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố B.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường (vắng mặt).

-Người kháng cáo: Ông Phương Văn Đ, bà Phương Thị B, chị Lý Thị H, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của cụ Nguyễn Thị T trình bày:

Cụ Nguyễn Thị T và cụ Phương Văn Đ là vợ chồng, cùng nhau sinh sống trên mảnh đất của cha mẹ để lại, có diện tích $276m^2$ ở thôn Hoà Yên, phường Thọ Xương. Cụ Phương Văn Đ đã chết từ lâu, cụ Nguyễn Thị T cùng con trai là ông Phương Văn Đ và vợ là bà Lý Thị H tiếp tục chung sống cùng nhau trên mảnh đất này. Năm 2010, cụ Nguyễn Thị T có đơn đề nghị chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì cụ được biết diện tích đất còn lại là $145,3m^2$, phần đất còn lại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phương Hồng Y, sinh năm 1945, trú tại phường T, Thành phố B, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 QSDĐ/560/QĐ-UB(H) ngày 27/8/2002 của UBND thị xã B tờ bản đồ số 49, thửa số 40 diện tích là $133,1m^2$, cụ T cho rằng việc con cụ là ông Phương Văn Đ thế chấp diện tích đất này để vay tiền ông Phương Hồng Y và ông Phương Hồng Y được chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, không được sự đồng ý của cụ và các thành viên khác trong gia đình, không biên bản xác định mốc giới, ranh giới, không có chữ ký giáp ranh của hộ liền kề. Yêu cầu ông Phương Hồng Y phải trả lại diện tích đất này cho gia đình cụ Nguyễn Thị T.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/3/2013, các lời khai tiếp theo và tại phiên toà, người đại diện hợp pháp của đương sự và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ T, yêu cầu: Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 QSDĐ/560/QĐ-UB(H) ngày 27/8/2002 của UBND thị xã B tờ bản đồ số 49, thửa số 40 diện tích là $133,1m^2$, đã cấp cho ông Phương Hồng Y, để trả lại cho các con của cụ T diện tích đất này.

Cụ Nguyễn Thị T chết ngày 25/8/2013, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ, gồm: Ông Phương Văn Đ, bà Phương Thị B, bà Phương Thị B1, Bà Phương Thị C (đã chết ngày 12/5/2015), bà Phương Thị C1 (đã chết ngày 11/9/2013).

Ông Phương Văn Đ trình bày: Năm 1994, ông vay tiền của ông Phương Hồng Y và ông đã vay nhiều lần tổng cộng là 8.000.000 đồng, ông có thể chấp một phần đất của gia đình trong cho ông Y, nhưng mẹ ông là cụ T và vợ ông là bà H không hề hay biết. Sau đó ông Y đã đề nghị chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông cho rằng ông tự ý thế chấp đất của gia đình để vay tiền là không đúng. Nay, ông yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 QSDĐ/560/QĐ-UB(H) ngày 27/8/2002 của UBND thị xã B tờ bản đồ số 49, thửa số 40 diện tích là 133,1m², đã cấp cho ông Phương Hồng Y, để trả lại cho gia đình diện tích đất này. Việc vay nợ với ông Y, ông có trách nhiệm trả cho vợ con ông Y, vay bao nhiêu thì trả bấy nhiêu cùng lãi suất. Nay ông có ý kiến trả lại cho bà Nguyễn Thị L và các con bà L 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Bà Phương Thị Bốn, bà Phương Thị Bẩy trình bày: Các bà là con gái của cụ Nguyễn Thị T và cụ Phuwong Văn Đ đều đã chết. Bố mẹ các bà có diện tích 276m² ở thôn Hoà Yên, phường Thọ Xương. Năm 2010 cụ Nguyễn Thị T có đơn đề nghị chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì các bà được biết diện tích đất còn lại là 145,3m², phần đất còn lại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phương Hồng Y, sinh năm 1945, trú tại phường T, Thành phố B, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 QSDĐ/560/QĐ-UB(H) ngày 27/8/2002 của UBND thị xã B tờ bản đồ số 49, thửa số 40 diện tích là 133,1m². Việc ông Phương Văn Đ thế chấp diện tích đất này để vay tiền ông Phương Hồng Y và ông Phương Hồng Y được chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, không được sự đồng ý của các bà và các thành viên khác trong gia đình. Nay, các bà yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 QSDĐ/560/QĐ-UB(H) ngày 27/8/2002 của UBND thị xã B tờ bản đồ số 49, thửa số 40 diện tích là 133,1m², đã cấp cho ông Phương Hồng Y, để trả lại cho gia đình diện tích đất này.

Người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của bà Phương Thị C, gồm: Anh Nguyễn Kinh T, anh Nguyễn Kinh K, anh Nguyễn Kinh Q, chị Nguyễn Thị Hồng L, mặc dù đã được giao thông báo thụ lý vụ án, nhưng không thể hiện quan điểm và đều có đơn đề nghị được vắng mặt khi Toà án giải quyết vụ án.

Người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của bà Phương Thị C1, gồm: Chị Phương Thị L, Anh Phương Văn C, Anh Phương Văn T, Anh Phương Văn T1, mặc dù đã được giao thông báo thụ lý vụ án, nhưng không thể hiện quan điểm và đều có đơn đề nghị được vắng mặt khi Toà án giải quyết vụ án.

Bà Lý Thị H trình bày: Bà kết hôn với ông Phương Văn Đ từ năm 2004, sau khi kết hôn bà cùng chồng ở cùng cụ T là mẹ ông Đ trên diện tích đất của cha ông để lại có diện tích 276m² theo như lời trình bày của cụ T. Năm 2010 gia đình có đơn đề nghị chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì bà được biết diện tích đất còn lại là 145,3m², phần đất còn lại đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phương Hồng Y, sinh năm 1945, trú tại phường T, Thành phố B,

tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 QSDĐ/560/QĐ-UB(H) ngày 27/8/2002 của UBND thị xã B tờ bản đồ số 49, thửa số 40 diện tích là 133,1m². Việc ông Phương Văn Đ thế chấp diện tích đất này để vay tiền ông Phương Hồng Y và ông Y được chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng, không được sự đồng ý của bà và các thành viên khác trong gia đình. Nay, bà yêu cầu huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 QSDĐ/560/QĐ-UB(H) ngày 27/8/2002 của UBND thị xã B tờ bản đồ số 49, thửa số 40 diện tích là 133,1m², đã cấp cho ông Phương Hồng Y, để trả lại cho bà và gia đình diện tích đất này và các tài sản trên đất.

Bị đơn là ông Phương Hồng Y và người đại diện theo uỷ quyền là bà Nguyễn Thị L, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trình bày:

Năm 1994, ông Phương Văn Đ là con cụ Nguyễn Thị T và cụ Phương Văn Đ có đến hỏi vay tiền ông Y, ông Y đã cho ông Đ vay tổng cộng là 11.000.000 đồng, ông Đ có thế chấp diện tích đất của gia đình là 133,1m². Sau đó, ông Đ không trả được đã để cho ông Y sử dụng và sang nhượng diện tích đất này. Năm 2002, ông đề nghị chính quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 QSDĐ/560/QĐ-UB(H) ngày 27/8/2002 của UBND thị xã Bắc Giang tờ bản đồ số 49, thửa số 40 diện tích là 133,1m². Cụ T và nay là các con cháu của cụ T yêu cầu huỷ giấy chứng nhận chứng nhận quyền sử dụng đất này, ông Y và bà L không Đ ý. Vì giấy chứng nhận cấp cho ông Y là đúng trình tự thủ tục, đề nghị giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Nếu phải trả lại diện tích đất này, ông Y, bà L và các con của ông Y bà L yêu cầu phải trả lại cho bà L và các con bằng tiền là giá trị đất ở như đã định giá.

Ông Phương Hồng Y đã chết ngày 18/11/2011, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ, gồm: Bà Nguyễn Thị L, anh Phương Hồng T, anh Phương Hồng T1, anh Phương Thế Đ, chị Phương Thị L.

Bà Nguyễn Thị L, anh Phương Hồng T, anh Phương Hồng T1, anh Phương Thế Đ, chị Phương Thị L đều giữ nguyên quan điểm như ông Phương Hồng Y trình bày. Nếu phải trả lại đất thì yêu cầu gia đình cụ T phải bồi thường thiệt hại bằng giá trị diện tích đất theo như các cơ quan chuyên môn đã định giá.

Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Giang do ông Nguyễn Văn H đại diện trình bày, giữ nguyên quan điểm như sau: Ủy ban đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 QSDĐ/560/QĐ-UB(H) ngày 27/8/2002 của UBND thị xã B tờ bản đồ số 49, thửa số 40 diện tích là 133,1m², đã cấp cho ông Phương Hồng Y là đúng trình tự luật định. Đề nghị giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành định giá tài sản:

Tại biên bản định giá ngày 31/8/2011 tài sản định giá gồm:

- Nhà vệ sinh loại c 4,96m² có giá 1.111.000đồng;
- Tường rào xây cay 35,44m² có giá 4.189.000 đồng;
- Tường rào xây gạch 2,69m² có giá 233.000 đồng;
- Sân lát gạch lá nem 31,66m² có giá 2.437.000 đồng;
- 7 khóm chuối có buồng có giá 238.000 đồng;
- 21 khóm chuối không có buồng có giá 357.000 đồng;
- 01 cây cau có giá 67.000 đồng.

Diện tích 133,1m² có giá 532.480.000 đồng.

Tổng cộng là 542.135.000 đồng (năm trăm bốn mươi hai triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng)

Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần tiến hành hoà giải nhưng các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DSST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B đã áp dụng Điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 32/2010/DSTC ngày 15/12/2010 và trả lại đơn khởi kiện cho cụ Nguyễn Thị T do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tiếp nhận là: Anh Phương Văn Đ, bà Phương Thị B, bà Phương Thị B1.

2. Án phí: Hoàn trả cho cụ Nguyễn Thị T và tạm giao cho bà Lý Thị H quản lý số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng theo biên lai số AA/2010/001549 ngày 15/12/2010 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L, anh Phương Hồng T, anh Phương Thế Đ, chị Phương Thị L, anh Phương Hồng T đều do bà Nguyễn Thị L đại diện số tiền tạm ứng án phí là 12.650.000 đồng theo biên lai số AA/2012/06144 ngày 27/3/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Ngày 18/12/2017 ông Phương Văn Đ kháng cáo toàn bộ bản án, ngày 21/12/2017 ông Đ nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, ông Đ kháng cáo không Đ ý bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông Y để trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình cụ T.

Ngày 18/12/2017 bà Phương Thị B kháng cáo toàn bộ bản án, ngày 18/12/2017 bà B nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, bà B kháng cáo không Đ ý bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông Y để trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình cụ T.

Ngày 18/12/2017 bà Lý Thị H kháng cáo toàn bộ bản án, ngày 18/12/2017 chị Hương nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, chị H kháng cáo không Đ ý bản án sơ thẩm. Yêu cầu Tòa phúc thẩm xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Y để trả lại quyền sử dụng đất cho gia đình cụ T.

Ngày 22/12/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B có quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị đối với bản án dân sự phúc thẩm số 41/2017/DSST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm. Hủy bản án dân sự sơ thẩm nói trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T là ông Phương Văn Đ, bà Phương Thị B, bà Phương Thị B1 không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo là ông Phương Văn Đ1, bà Phương Thị B, bà Lý Thị H không rút đơn kháng cáo, viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang không rút kháng nghị. Do vắng mặt một số người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Phương Văn Đ trình bày: Ông kháng cáo không Đ ý bản án sơ thẩm xử, diện tích 133,1m² đất gia đình ông Y được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của bố mẹ ông để lại, ông đề nghị hủy giấy chứng nhận cấp cho ông Y và trả lại gia đình cụ T diện tích đất này. Ông có vay tiền ông Y ông sẽ trả và thế chấp diện tích đất này không ai biết. Ông Đ ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Bà Phương Thị B trình bày: Bà kháng cáo không Đ ý bản án sơ thẩm, ông Đ vay tiền thì ông Đ phải trả. Đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Y trả lại đất cho gia đình cụ T. Vì khi đo đạc cấp đất gia đình cụ T và bà không biết. Gia đình bà là gia đình chính sách không phải đóng thuế nên đến năm 2010 khi cụ T đề nghị làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết việc một phần đất được cấp cho ông Y. Bà đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Bà Lý Thị H trình bày: Bà không Đ ý bản án sơ thẩm, khi bà về làm dâu ở trên đất này cùng cụ T không có việc mua bán cho ai diện tích đất này. Sau này khi mẹ bà làm đơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới biết là ông Đ thế chấp vay cho ông Y. Bà đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Y diện tích 133,1m² để trả lại đất cho gia đình cụ T. Bà đồng ý với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của các đương sự tại phiên tòa một số đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt như vậy đã chấp hành các quy

định của pháp luật tố tụng dân sự; bà L đến phiên tòa sau đó bỏ về là không chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B và kháng cáo của ông Phương Văn Đ, bà Phương Thị B, bà Lý Thị H. Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy bản án sơ thẩm. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét về thủ tục tố tụng:

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị T là bà Phương Thị B1; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phương Thị C là anh Nguyễn Kinh T, anh Nguyễn Kinh K, anh Nguyễn Kinh Q, chị Nguyễn Thị Hồng L; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phương Thị C1 là chị Phương Thị L, anh Phương Văn C, anh Phương Văn T, anh Phương Văn T1; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là UBND thành phố B do ông Nguyễn Văn H đại diện theo ủy quyền đều có đơn xin xét xử vắng mặt; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phương Hồng Y là bà Nguyễn Thị L, anh Phương Hồng T, anh Phương Hồng T1, anh Phương Thế Đ1, chị Phương Thị L đều ủy quyền cho bà Nguyễn Thị L, bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. Về nội dung:

Theo đơn khởi kiện của cụ Nguyễn Thị T, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01/3/2013, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của đương sự và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T, bà C, bà C1, và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con của cụ Nguyễn Thị T đều cho rằng ông Phương Hồng Y đứng tên sử dụng không hợp pháp diện tích đất 133,1m² có nguồn gốc của bố mẹ cụ Nguyễn Thị T và cụ Phương Văn Đ để lại và cụ Nguyễn Thị T và các con đang sử dụng hợp pháp và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B xem xét buộc ông Phương Hồng Y phải trả lại cho cụ Nguyễn Thị T và các con của cụ diện tích đất này và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01080 QSDĐ/560/QĐ-UB(H) ngày 27/8/2002 của UBND thị xã B (nay là UBND thành phố B) tờ bản đồ số 49, thửa số 40 diện tích là 133,1m², đã cấp cho

ông Phương Hồng Y; bị đơn ông Phương Hồng Y và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Y là L và các con của ông Y đề nghị giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Y. Nếu phải trả diện tích đất này thì yêu cầu gia đình cụ T phải trả bằng giá trị thửa đất đã được định giá.

Bản án sơ thẩm Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 32/2010/DSTC ngày 15/12/2010 và trả lại đơn khởi kiện cho cụ Nguyễn Thị T do những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tiếp nhận là: ông Phương Văn Đ, bà Phương Thị B, bà Phương Thị B1.

Không Đ ý bản án sơ thẩm ông Phương Văn Đ, bà Phương Thị B, bà Lý Thị H kháng cáo toàn bộ bản án; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B kháng nghị đề nghị Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nói trên. Xét kháng cáo của ông Đ, bà B, bà H và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Thị T và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ T, trình bày của các đương sự, yêu cầu phản tố của bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn thì thấy các đương sự yêu cầu trả lại diện tích đất ông Y đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu giải quyết hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp nhưng tòa sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất là thiếu; Tòa sơ thẩm thụ lý vụ án dân sự, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất và nhận định các đương sự yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Y là quan hệ pháp luật hành chính, nên khởi kiện bằng vụ án hành chính theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính, không thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của Tòa án để quyết định đình chỉ giải quyết toàn bộ vụ án là không đúng quy định tại Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

Yêu cầu phản tố của bị đơn do bà Nguyễn Thị L là người đại diện theo ủy quyền, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Y đề nghị nếu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì gia đình ông Đ phải trả lại tiền cho gia đình bằng giá trị thửa đất theo biên bản định giá tài sản là 532.480.000 đồng nhưng Tòa sơ thẩm không xem xét các yêu cầu này là giải quyết thiếu vi phạm Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Đ là người vay tiền, thế chấp 133,1m² đất cho ông Y là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến nội dung các đương sự yêu cầu nhưng tòa sơ thẩm chỉ xác định ông Phương Văn Đ là người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn là xác định thiếu tư cách người tham gia tố tụng vi phạm khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện cho đương sự nhưng không ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án mà ra bản án là không đúng quy định tại Điều 235 BLTTDS và mẫu số 46-DS kèm theo nghị

quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Ngoài ra, Tòa sơ thẩm còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, thụ lý yêu cầu phản tố sau khi có quyết định hoãn phiên tòa là không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự dẫn đến thời hạn giải quyết vụ án không đúng, trong thời gian gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng thẩm phán không tiến hành tố tụng. Những vi phạm này cần rút kinh nghiệm.

Từ nhận định phân tích trên. Hội đồng xét xử thấy bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về tố tụng. Giải quyết không đảm bảo quyền và lợi ích cho các đương sự, những vi phạm thiếu sót này cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Nên căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Phương Văn Đ, bà Phương Thị B, bà Lý Thị H và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DSST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án.

Về án phí: Do hủy án sơ thẩm nên án phí và các chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 148 BLTTDS và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả ông Đ, bà Bốn, chị H mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của ông Phương Văn Đ, bà Phương Thị B, bà Lý Thị H và Kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 22/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 41/2017/DS-ST ngày 07/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B về việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa:

-Nguyên đơn: Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1920 (đã chết ngày 27/5/2013).

Trú quán: Tổ 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị T:

1. Ông Phương Văn Đ, sinh năm 1966

Trú quán: số nhà 01, Tổ 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Phương Thị B, sinh năm 1957.

Trú quán: Số 01, ngách 7, ngõ 98, đường Nguyễn K, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Phương Thị B1, sinh năm 1962.

Trú quán: Số 39S5, ngõ 41, đường K, phường T, quận T, thành phố Hà Nội.

4. Bà Phương Thị C, sinh năm 1953 (Đã chết ngày 12/5/2015).

Trú quán: Số 7, ngõ 62, Khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

-Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phương Thị C:

+ Anh Nguyễn Kinh T, sinh năm 1980

+ Anh Nguyễn Kinh K, sinh năm 1982

+ Anh Nguyễn Kinh Q, sinh năm 1985

+ Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1994

Đều trú tại: Số 7, ngõ 62, Khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

5. Bà Phương Thị C, sinh năm 1944 (đã chết ngày 11/9/2013)

-Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Phương Thị C1:

+ Chị Phương Thị L, sinh năm 1961

Trú quán : Tổ H, phường T, Thành phố B.

+ Anh Phương Văn C, sinh năm 1966

Trú quán: Tổ H, phường T, Thành phố B.

+ Anh Phương Văn T, sinh năm 1970

Trú quán: phường M, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

+ Anh Phương Văn T, sinh năm 1974

Trú quán: Tổ H, phường T, Thành phố B.

- Bị đơn: Ông Phương Hồng Y, sinh năm 1945 (Đã chết ngày 18/11/2011).

Trú quán: Tổ 1, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Phương Hồng Y:

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1949

Trú quán : Tổ 1, khu phố H, phường T, Thành phố B.

2. Anh Phương Hồng T, sinh năm 1978

Trú quán: Khu phố H, phường T, thành phố B.

Nơi ở: Số 89, đường P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị L.

3. Anh Phương Hồng T, sinh năm 1982

Trú quán: Tổ 1, phường T, thành phố B.

4. Anh Phương Thế Đ, sinh năm 1984

Trú quán: Tổ 1, phường T, thành phố B.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị L.

5. Chị Phương Thị L, sinh năm 1976

Trú quán: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Nguyễn Thị L (bà L vắng mặt).

-Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lý Thị H, sinh năm 1973

Trú quán: số nhà 01, Tổ 1, đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. UBND thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai S - Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố B.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn H - Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lại vụ án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Phương Văn Đ, bà Phương Thị B, bà Lý Thị H, không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả ông Phương Văn Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2012/06512 ngày 21/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Hoàn trả bà Phương Thị B 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2012/06508 ngày 18/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Hoàn trả bà Lý Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2012/06507 ngày 18/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Án phí dân sự sơ thẩm đ- ọc xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND TP B;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TP B;
- Chi cục THA dân sự TP B;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền

